BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07 - 43
Bảng cân đối kế toán	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Tiền thân Công ty là Chi nhánh Dịch vụ Du lịch Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Quyết định số 205/QĐ-UB ngày 10/10/1988 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Quyết định số 287/QĐ-UB ngày 17/08/1990 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Dịch vụ Du lịch Quận 11 được chuyển thành Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ trực thuộc Ủy ban Nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định số 5518/QĐ-UB ngày 31/12/2002 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn. Theo Quyết định số 2397/QĐ-UBND ngày 26/05/2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0301074118 cấp lần đầu ngày 21/07/2006.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301074118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 17 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Việt Anh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đông Hòa	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên	
Ông Phương Xuân Thụy	Thành viên	
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên	
Ông Hoàng Văn Bá	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/05/2022
Ông Trần Quốc Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/05/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Anh	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Song Trọng Chinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/05/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Nguyên	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 04/01/2022
Bà Hồ Thị Ngọc Như	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính .

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Số: 220323.001 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được lập ngày 22 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 34d - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, liên quan đến nội dung của Hợp đồng quản lý - khai thác kinh doanh Khách sạn Ngọc Lan số 16/2019/HĐQLKT ngày 17/06/2019 với Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương, tại ngày 31/12/2021 là 9.619.339.517 VND và 31/12/2022 là 9.619.339.517 VND của công ty này đang được trình bày trên khoản mục Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5) chưa được đối chiếu xác nhận, Công ty cũng chưa xem xét ghi nhận doanh thu và khoản phải thu tương ứng từ hợp đồng này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Bảng cân đối kế toán năm 2022. Với các tài liệu hiện có và các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi chưa thể đánh giá được các ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính đính kèm.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các vấn đề sau:

- Tại Thuyết minh số 13 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đang phân bổ phần còn lại của Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa Công ty vào ngày 16/05/2016 theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm kể từ ngày Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 có hiệu lực thi hành ngày 30/11/2020.

- Tại Thuyết minh số 34a - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính trình bày việc Công ty đã thực hiện các nghĩa vụ tiền thuê đất với Nhà nước theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII. Tuy nhiên số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty đang có sự khác biệt so với thông báo của Chi cục Thuế Quận 11 do Chi cục Thuế Quận 11 chưa thực hiện theo các văn bản của Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh.

- Tại Thuyết minh số 34c - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, đến thời điểm hiện tại, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ. Theo đó một số nội dung có liên quan sẽ phụ thuộc vào giá trị quyết toán cổ phần hóa từ Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm:
  + Phải thu Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV số tiền 70.224.591.554 VND (Thuyết minh số 7a);
  + Các vấn đề về tranh chấp thương mại liên quan đến Trung tâm thương mại Bowling Đầm Sen (Thuyết minh số 34b).

- Thuyết minh số 34b - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính trình bày việc Tòa án Nhân dân Cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra các phán quyết cho các bên có liên quan, Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo phán quyết của Tòa án. Công ty chưa thực hiện điều chỉnh các nghiệp vụ ảnh hưởng có liên quan do Báo cáo kiểm toán Nhà nước khu vực XIII về Quyết toán Giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty có lưu ý về các khoản phải thu, phải trả liên quan đến vấn đề này có thể ảnh hưởng đến số liệu quyết toán vốn nhà nước trong thời kỳ chuyển thể.

- Tại Thuyết minh số 34f - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính đang trình bày thông tin về việc Công ty và Văn phòng Thành ủy đang trong quá trình thương thảo để thống nhất đơn giá thuê đất từ sau khi hết hạn thuê theo hợp đồng đến nay. Công ty đã bàn giao mặt bằng số 293 và 295/1 Lý Thường Kiệt cho VPTU vào ngày 07/3/2023. Với mặt bằng nhà, đất tại số 15 đường số 2 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM nơi đặt trụ sở chính của Công ty sau khi bàn giao nếu tiếp tục thuê sẽ thực hiện đấu giá thuê theo quy định.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên của Công ty TNHH PwC (Việt Nam). Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về công nợ với Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương đối với Báo cáo tài chính năm tại ngày 29/06/2022.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý	**Đào Trung Thành**
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1	Số: 4700-2019-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**652.864.951.021**	**536.317.193.726**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	03	**4.901.970.573**	**2.108.022.470**
111	1. Tiền		4.901.970.573	2.108.022.470
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	04	**516.200.000.000**	**400.050.000.000**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		516.200.000.000	400.050.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**103.606.923.167**	**107.744.471.150**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	15.643.854.464	14.570.347.183
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	558.159.109	729.327.244
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	88.917.819.994	93.985.223.123
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.531.808.000)	(1.559.324.000)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		18.897.600	18.897.600
140	**IV. Hàng tồn kho**	09	**3.084.463.778**	**2.239.668.426**
141	1. Hàng tồn kho		3.084.463.778	2.239.668.426
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**25.071.593.503**	**24.175.031.680**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.693.260.108	791.180.795
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.005.517.490
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	22.378.333.395	22.378.333.395
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**428.213.120.551**	**499.767.794.328**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**13.111.452.999**	**13.111.452.999**
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	05	240.000.000	240.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	07	19.911.452.999	19.911.452.999
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(7.040.000.000)	(7.040.000.000)
220	**II. Tài sản cố định**		**94.078.355.319**	**120.011.588.766**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	93.470.246.571	119.234.399.934
222	- *Nguyên giá*		*574.833.770.487*	*569.949.995.725*
223	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(481.363.523.916)*	*(450.715.595.791)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	608.108.748	777.188.832
228	- *Nguyên giá*		*31.014.392.390*	*31.014.392.390*
229	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(30.406.283.642)*	*(30.237.203.558)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**9.325.789.393**	**9.219.407.575**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	9.325.789.393	9.219.407.575
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	04	**285.852.513.567**	**314.044.652.690**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		253.277.125.000	253.277.125.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		33.605.592.683	33.605.592.683
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.030.204.116)	(838.064.993)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	28.000.000.000
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**25.845.009.273**	**43.380.692.298**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	25.845.009.273	43.380.692.298
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.081.078.071.572**	**1.036.084.988.054**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**138.091.180.213**	**51.503.345.542**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**135.117.180.213**	**48.999.345.542**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	10.612.077.214	3.850.919.711
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	768.097.700	5.024.975.411
314	3. Phải trả người lao động		6.047.330.500	3.661.578.739
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	5.211.264.798	4.769.090.948
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	640.033.266	233.054.745
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	32.275.028.747	31.339.978.000
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	79.500.000.000	-
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		63.347.988	119.747.988
330	**II. Nợ dài hạn**		**2.974.000.000**	**2.504.000.000**
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	2.974.000.000	2.504.000.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**942.986.891.359**	**984.581.642.512**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	20	**942.986.891.359**	**984.581.642.512**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.186.840.000.000*	*1.186.840.000.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.686.924.280	69.686.924.280
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(313.540.032.921)	(271.945.281.768)
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*(271.945.281.768)*	*(181.306.630.680)*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*(41.594.751.153)*	*(90.638.651.088)*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.081.078.071.572**	**1.036.084.988.054**

Trần Thị Thu Hương	**Huỳnh Ngọc Cách**	**Nguyễn Quốc Anh**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	22	221.630.897.374	55.888.573.188
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		221.630.897.374	55.888.573.188
11	**4. Giá vốn hàng bán**	23	262.309.924.394	168.840.922.043
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		(40.679.027.020)	(112.952.348.855)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	38.051.047.961	50.872.372.732
22	7. Chi phí tài chính	25	361.585.699	378.479.155
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*169.446.576*	-
25	8. Chi phí bán hàng	26	6.234.278.623	2.706.189.874
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	32.702.077.674	25.528.393.861
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		(41.925.921.055)	(90.693.039.013)
31	11. Thu nhập khác	28	332.956.713	55.035.927
32	12. Chi phí khác		1.786.811	648.002
40	**13. Lợi nhuận khác**		331.169.902	54.387.925
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		(41.594.751.153)	(90.638.651.088)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		(41.594.751.153)	(90.638.651.088)
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	30	(350)	(764)

Trần Thị Thu Hương	**Huỳnh Ngọc Cách**	**Nguyễn Quốc Anh**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	*1. Lợi nhuận trước thuế*		*(41.594.751.153)*	*(90.638.651.088)*
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		31.324.461.786	39.197.243.741
03	- Các khoản dự phòng		164.623.123	1.771.043.155
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(38.287.258.185)	(50.872.372.732)
06	- Chi phí lãi vay		169.446.576	-
08	*3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*		*(48.223.477.853)*	*(100.542.736.924)*
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		584.943.077	(18.445.342.860)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(844.795.352)	598.675.369
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		6.980.611.595	(2.447.501.649)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		15.655.770.305	23.097.193.059
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(56.400.000)	(3.395.321.000)
20	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*		*(25.903.348.228)*	*(101.135.034.005)*
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.519.776.750)	(3.172.599.242)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		236.210.224	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(673.365.442.740)	(522.350.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		585.215.442.740	570.600.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		42.636.686.357	52.793.744.748
30	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*		*(50.796.880.169)*	*97.871.145.506*
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		79.500.000.000	-
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.823.500)	(26.885.000)
40	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*		*79.494.176.500*	*(26.885.000)*

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		2.793.948.103	(3.290.773.499)
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		2.108.022.470	5.398.795.969
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	03	4.901.970.573	2.108.022.470

Trần Thị Thu Hương	**Huỳnh Ngọc Cách**	**Nguyễn Quốc Anh**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tiền thân Công ty là Chi nhánh Dịch vụ Du lịch Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Quyết định số 205/QĐ-UB ngày 10/10/1988 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Quyết định số 287/QĐ-UB ngày 17/08/1990 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Dịch vụ Du lịch Quận 11 được chuyển thành Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ trực thuộc Ủy ban Nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định số 5518/QĐ-UB ngày 31/12/2002 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn. Theo Quyết định số 2397/QĐ-UBND ngày 26/05/2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0301074118 cấp lần đầu ngày 21/07/2006.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301074118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 17 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 1.186.840.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.186.840.000.000 VND; tương đương 118.684.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 380 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 414 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Tổ chức kinh doanh các dịch vụ du lịch vui chơi giải trí, văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, dịch vụ du lịch sinh thái rừng ngập mặn;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng, ăn uống;
- Kinh doanh xông hơi xoa bóp, karaoke;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế, nội địa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2022, tình hình dịch Covid-19 đã được kiểm soát nhờ tỷ lệ bao phủ vắc-xin cao, các chính sách hỗ trợ nhằm hồi phục kinh tế được thông qua trong đó có ngành du lịch, kéo theo đó là nhu cầu vui chơi giải trí tăng mạnh sau thời gian dài giãn cách xã hội, dẫn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty được phục hồi mạnh. Tuy nhiên, với đặc thù hoạt động kinh doanh phụ thuộc vào tình hình dịch bệnh và chính sách kiểm soát dịch bệnh của cơ quan quản lý nhà nước, nên diễn biến phức tạp của Covid-19 vẫn tiềm ẩn rủi ro với hoạt động của Công ty.

Trong năm 2021, Công ty nhận được cổ tức năm 2020 và tạm ứng cổ tức 2021 từ Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen, tuy nhiên, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022, công ty này quyết định không chia thêm cổ tức 2021 trừ khoản cổ tức đã tạm ứng và chi tạm ứng cổ tức 2022, làm cổ tức được chia năm nay giảm sút. Bên cạnh đó, trong năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định tất toán trước hạn các hợp đồng tiền gửi trong năm để ký hợp đồng tiền gửi mới với lãi suất cao hơn làm lãi tiền gửi năm nay giảm sút. Các điều trên đã làm Doanh thu hoạt động tài chính năm nay giảm mạnh so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	Số 79 Đường Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	Văn phòng đại diện
Trung tâm Dịch vụ Du lịch Đầm Sen	Số 03 Đường Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ lữ hành
Khách sạn Phú Thọ	915 Đường 3 Tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú
Khu du lịch sinh thái Rừng ngập mặn Vàm Sát	Xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ vui chơi, giải trí
Công viên văn hóa Đầm Sen	Số 03 Đường Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ vui chơi, giải trí
Khách sạn Ngọc Lan (*)	Số 293 và số 295/1 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú

(*) Khách sạn Ngọc Lan đã ngừng hoạt động theo Thông báo ngày 16/08/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Các tài sản khác	04 - 15 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

a) Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;

- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Đối với BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được Công ty phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh như sau:
  + Từ năm 2020 trở về trước: phân bổ trong 10 năm kể từ ngày cổ phần hoá;
  + Từ năm 2021 trở đi: phân bổ phần còn lại trong 3 năm, căn cứ theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ và Công văn số 3255/CTTPHCM-TTHT ngày 08/04/2022 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng dưới 36 tháng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền thuê mặt bằng... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ massage...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Công ty trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Các quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	2.858.379.000	613.159.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.026.671.573	1.482.714.470
Tiền đang chuyển	16.920.000	12.149.000
	4.901.970.573	**2.108.022.470**

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	**516.200.000.000**	-	**400.050.000.000**	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	516.200.000.000	-	400.050.000.000	-
Đầu tư dài hạn	-	-	**28.000.000.000**	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	28.000.000.000	-
	516.200.000.000	-	**428.050.000.000**	-

(*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 12 tháng đến 13 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần, với tổng số tiền 516.200.000.000 VND, với lãi suất từ 4,60%/năm đến 9,90%/năm.

Tại ngày 31/12/2022, các khoản tiền gửi có giá trị 85.500.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (xem chi tiết tại Thuyết minh số 19).

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã CK	31/12/2022			01/01/2022		
		Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
		VND	VND	%	VND	VND	%
Đầu tư vào Công ty liên kết		**253.277.125.000**	-		**253.277.125.000**	-	
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	DSN	253.277.125.000	-	33,54	253.277.125.000	-	33,54
Đầu tư vào đơn vị khác		**33.605.592.683**	**(1.030.204.116)**		**33.605.592.683**	**(838.064.993)**	
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt		29.442.390.096	-	13,67	29.442.390.096	-	13,67
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà		4.163.202.587	(1.030.204.116)	3,23	4.163.202.587	(838.064.993)	3,23
		286.882.717.683	**(1.030.204.116)**		**286.882.717.683**	**(838.064.993)**	

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	421.901.759	-
Mua hàng hóa, vật tư, dịch vụ	824.914.000	48.401.000
Cổ tức được chia	6.078.651.000	16.209.736.000

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng	13,67%	13,67%	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà	Tỉnh Quảng Trị	3,23%	3,23%	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Bên liên quan	***345.203.180***	-	***10.700.000***	-
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	11.000.000	-	5.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist	7.415.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Sam Holdings	2.508.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	35.285.180	-	5.700.000	-
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	288.995.000	-	-	-
Bên khác	***15.298.651.284***	***(1.531.808.000)***	***14.559.647.183***	***(1.559.324.000)***
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương	9.619.339.517	(129.182.800)	9.619.339.517	(129.182.800)
Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Nhất phẩm Hoàng Gia	2.471.730.400	(1.235.865.200)	2.471.730.400	(1.235.865.200)
Các đối tượng khác	3.207.581.367	(166.760.000)	2.468.577.266	(194.276.000)
	15.643.854.464	**(1.531.808.000)**	**14.570.347.183**	**(1.559.324.000)**
b) Dài hạn				
Võ Trung Thiệp	240.000.000	(240.000.000)	240.000.000	(240.000.000)
	240.000.000	**(240.000.000)**	**240.000.000**	**(240.000.000)**

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty Cổ phần Nhà Nhà Vui	235.554.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Nội thất Hòa Phát	108.556.200	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Môi trường Đương Long	-	-	489.153.135	-
Các đối tượng khác	214.048.909	-	240.174.109	-
	558.159.109	**-**	**729.327.244**	**-**

7 . PHẢI THU KHÁC

		31/12/2022		01/01/2022	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a)	**Ngắn hạn**				
a.1)	**Chi tiết theo nội dung**				
	Phải thu về cổ tức	-	-	6.078.651.000	-
	Phải thu lãi tiền gửi	15.407.859.178	-	13.914.846.574	-
	Phải thu về BHXH, BHYT, BHTN	-	-	241.599.000	-
	Tạm ứng	320.400.000	-	22.000.000	-
	Ký cược, ký quỹ	110.495.480	-	197.679.196	-
	Phải thu giai đoạn trước cổ phần hóa (1)	70.224.591.554	-	70.224.591.554	-
	Tiền thuê đất giai đoạn trước cổ phần hóa (2)	2.728.877.249	-	2.728.877.249	-
	Phải thu khác	125.596.533	-	576.978.550	-
		88.917.819.994	**-**	**93.985.223.123**	**-**
a.2)	**Chi tiết theo đối tượng**				
	Bên liên quan	***70.224.591.554***	-	***76.303.242.554***	-
	Tổng công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV (1)	70.224.591.554	-	70.224.591.554	-
	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	-	-	6.078.651.000	-
	Bên khác	***18.693.228.440***	-	***17.681.980.569***	-
	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Tây Sài Gòn	10.310.521.368	-	7.906.603.520	-
	Các đối tượng khác	8.382.707.072	-	9.775.377.049	-
		88.917.819.994	**-**	**93.985.223.123**	**-**
b)	**Dài hạn**				
b.1)	**Chi tiết theo nội dung**				
	Ký cược, ký quỹ	1.518.000.000	-	1.518.000.000	-
	Phải thu liên quan đến Trung tâm thương mại Bowling Đầm Sen (3)	18.393.452.999	(6.800.000.000)	18.393.452.999	(6.800.000.000)
		19.911.452.999	**(6.800.000.000)**	**19.911.452.999**	**(6.800.000.000)**
b.2)	**Chi tiết theo đối tượng**				
	Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt (3)	6.600.000.000	(6.600.000.000)	6.600.000.000	(6.600.000.000)
	Các đối tượng khác	13.311.452.999	(200.000.000)	13.311.452.999	(200.000.000)
		19.911.452.999	**(6.800.000.000)**	**19.911.452.999**	**(6.800.000.000)**

(1) Số tiền phải thu Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH MTV ("Tổng Công ty") bao gồm các khoản phải thu, phải trả trong giai đoạn trước khi Công ty cổ phần hóa, cụ thể:

- Tiền thuê đất bị truy thu trong giai đoạn từ 01/07/2014 đến 16/05/2016:	105.254.993.118
- Thuế TNDN giảm do thay đổi trong doanh thu, chi phí:	(22.378.333.395)
- Lãi chậm nộp tiền lợi nhuận về Tổng Công ty:	(12.652.068.169)

Tổng Công ty đã có Công văn số 475/CV-TCT ngày 22/04/2022 xác nhận nghĩa vụ tài chính với Công ty, theo đó sẽ giảm số tiền phải nộp về Tổng Công ty số tiền 70.224.591.554 VND và khoản nợ này sẽ được xử lý khi quyết toán cổ phần hóa tại Công ty.

(2) Tiền thuê đất được Công ty ghi nhận căn cứ thông báo căn cứ theo Công văn số 250a/KV IV-TH ngày 03/05/2019 của Kiểm toán Nhà nước IV gửi Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh về việc kiến nghị tăng thu Ngân sách Nhà nước, bao gồm:

- Tiền thuê đất của Khu đất Công viên Đầm Sen, số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 16/05/2016:	2.168.870.000
- Tiền thuê đất của Khu Du lịch Sinh thái Rừng Ngập mặn Vàm Sát, Huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh cho giai đoạn từ 2010 đến ngày 16/05/2016:	560.007.249

Ngày 05/08/2019, Công ty lập thông báo số 097/CV-2019 gửi Tổng Công ty để thông báo về số tiền thuê đất bổ sung của giai đoạn trước cổ phần hóa nêu trên.

Việc tất toán tiền thuê đất này vẫn đang chờ chỉ đạo xử lý tài chính từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tổng Công ty.

(3) Khoản công nợ liên quan đến việc tranh chấp thương mại tại Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen. *(Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34b).*

8 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương (*)	9.619.339.517	9.490.156.717	9.619.339.517	9.490.156.717
Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt	6.600.000.000	-	6.600.000.000	-
Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Nhất phẩm Hoàng Gia	2.471.730.400	1.235.865.200	2.471.730.400	1.235.865.200
Các khoản khác	606.760.000	-	661.792.000	27.516.000
	19.297.829.917	**10.726.021.917**	**19.352.861.917**	**10.753.537.917**

(*) Giá trị có thể thu hồi của khoản công nợ này chưa tính đến ảnh hưởng của việc công ty này chưa xác nhận nghĩa vụ nợ tại thời điểm 31/12/2022 và 31/12/2021. *(Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34d).*

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.183.230.616	-	1.374.965.705	-
Hàng hoá	901.233.162	-	864.702.721	-
	3.084.463.778	**-**	**2.239.668.426**	**-**

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công viên Đầm Sen	7.184.008.654	7.077.626.836
Khu du lịch sinh thái Rừng ngập mặn Vàm Sát	336.969.699	336.969.699
Các dự án khác	1.804.811.040	1.804.811.040
	9.325.789.393	**9.219.407.575**

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	**Cộng**
	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	332.007.091.365	197.095.926.814	29.851.404.786	5.135.691.081	5.859.881.679	569.949.995.725
- Mua trong năm	90.536.584	1.630.290.801	1.138.067.586	-	-	2.858.894.971
- Tăng theo Báo cáo kiểm toán giá trị quyết toán công trình	74.736.902	-	-	-	-	74.736.902
- Nâng cấp	2.479.763.059	-	-	-	-	2.479.763.059
- Thanh lý, nhượng bán	-	(171.326.199)	(228.494.126)	(50.370.880)	-	(450.191.205)
- Giảm khác	-	(79.428.965)	-	-	-	(79.428.965)
Số dư cuối năm	**334.652.127.910**	**198.475.462.451**	**30.760.978.246**	**5.085.320.201**	**5.859.881.679**	**574.833.770.487**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	258.180.196.302	157.469.700.945	28.200.495.059	2.504.448.696	4.360.754.789	450.715.595.791
- Khấu hao trong năm	19.176.540.572	9.686.977.432	489.721.683	753.530.522	1.048.611.493	31.155.381.702
- Thanh lý, nhượng bán	-	(171.326.199)	(228.494.126)	(50.370.880)	-	(450.191.205)
- Giảm khác	-	(57.262.372)	-	-	-	(57.262.372)
Số dư cuối năm	**277.356.736.874**	**166.928.089.806**	**28.461.722.616**	**3.207.608.338**	**5.409.366.282**	**481.363.523.916**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	73.826.895.063	39.626.225.869	1.650.909.727	2.631.242.385	1.499.126.890	119.234.399.934
Tại ngày cuối năm	**57.295.391.036**	**31.547.372.645**	**2.299.255.630**	**1.877.711.863**	**450.515.397**	**93.470.246.571**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 306.735.459.841 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác (*)	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.489.643.663	27.524.748.727	31.014.392.390
Số dư cuối năm	**3.489.643.663**	**27.524.748.727**	**31.014.392.390**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.712.454.831	27.524.748.727	30.237.203.558
- Khấu hao trong năm	169.080.084	-	169.080.084
Số dư cuối năm	**2.881.534.915**	**27.524.748.727**	**30.406.283.642**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	777.188.832	-	777.188.832
Tại ngày cuối năm	**608.108.748**	-	**608.108.748**

(*) Đây là các khoản chi phí giải tỏa mặt bằng tại Công viên văn hóa Đầm Sen phát sinh từ năm 1999 đến năm 2002 và đã được khấu hao hết trước giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty.

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.999.912.390 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
a)	**Ngắn hạn**		
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.092.373.271	249.501.655
	Chi phí sửa chữa	1.151.943.597	292.478.200
	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	448.943.240	249.200.940
		2.693.260.108	**791.180.795**
b)	**Dài hạn**		
	Lợi thế kinh doanh (1)	16.729.353.972	34.979.558.316
	Chi phí khấu hao Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen (2)	6.995.003.594	6.995.003.594
	Công cụ, dụng cụ xuất dùng	480.506.480	670.041.731
	Chi phí sửa chữa	1.193.538.044	239.895.812
	Chi phí trả trước dài hạn khác	446.607.183	496.192.845
		25.845.009.273	**43.380.692.298**

(1) Lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/06/2014 và đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo Quyết định số 6040/QĐ-UBND ngày 17/11/2015. Công ty phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh còn lại trong vòng 03 năm kể từ ngày Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 có hiệu lực.

(2) Chi phí khấu hao của tài sản cố định dùng cho hoạt động kinh doanh Bowling tại Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen giai đoạn từ năm 1998 đến năm 2010. *(Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34b).*

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Trường An	593.385.840	593.385.840	-	-
Công ty Cổ phần Chương Dương	-	-	1.220.958.598	1.220.958.598
Các đối tượng khác	10.018.691.374	10.018.691.374	2.629.961.113	2.629.961.113
	10.612.077.214	**10.612.077.214**	**3.850.919.711**	**3.850.919.711**

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	10.454.809.265	9.960.780.905	-	494.028.360
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	949.774.135	767.802.266	-	181.971.869
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (*)	22.378.333.395	-	-	-	22.378.333.395	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	14.553.425	392.531.575	359.670.609	-	47.414.391
Thuế Tài nguyên	-	1.355.200	17.959.760	18.219.600	-	1.095.360
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	5.009.066.786	93.922.840.652	98.931.907.438	-	-
Các loại thuế khác	-	-	54.505.774	10.918.054	-	43.587.720
	22.378.333.395	**5.024.975.411**	**105.792.421.161**	**110.049.298.872**	**22.378.333.395**	**768.097.700**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu đầu năm phát sinh từ việc Công ty đã điều chỉnh tăng tiền thuê đất truy thu theo Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần vốn Nhà nước giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến ngày 16/05/2016 dẫn đến tăng Giá vốn hàng bán, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. *(Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34a).*

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	169.446.576	-
Chi phí thuê nhà, đất	5.041.818.222	4.769.090.948
	5.211.264.798	**4.769.090.948**

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Doanh thu thẻ Massage	572.276.486	130.004.201
Doanh thu cho thuê mặt bằng	64.545.454	101.454.541
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	3.211.326	1.596.003
	640.033.266	**233.054.745**

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

		31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
a)	**Ngắn hạn**		
	Kinh phí công đoàn	143.482.000	90.668.000
	Cổ tức, lợi nhuận phải trả	190.592.610	196.416.110
	Phải trả về hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt (*)	29.118.387.913	29.118.387.913
	Phải trả về hoạt động hợp tác kinh doanh	493.281.039	31.318.742
	Tiền đặt cọc	1.941.311.860	749.400.875
	Thù lao, chi phí hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	246.400.000	110.080.000
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	141.573.325	1.043.706.360
		32.275.028.747	**31.339.978.000**
b)	**Dài hạn**		
	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.974.000.000	2.504.000.000
		2.974.000.000	**2.504.000.000**

(*) Số dư chủ yếu là doanh thu từ việc cho thuê mặt bằng và kinh doanh Bowling tại Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen từ năm 1998 đến năm 2010. Số dư này sẽ được xử lý khi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định về số liệu quyết toán vốn nhà nước trong thời kỳ chuyển thể. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34b)

19 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Lạc Long Quân [(1)]	-	-	31.500.000.000	-	31.500.000.000	31.500.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Tây Sài Gòn [(2)]	-	-	48.000.000.000	-	48.000.000.000	48.000.000.000
	-	-	**79.500.000.000**	-	**79.500.000.000**	**79.500.000.000**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Ngân hàng	Loại tiền	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2022
								VND
(1) Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Lạc Long Quân	VND	310-121/22/VAB/HĐTD	23/12/2022	8,8%/năm	36 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu	Thanh toán tiền thuê đất	(*)	7.000.000.000
	VND	310-122/22/VAB/HĐTD	23/12/2022	11,8%/năm	46 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu	Thanh toán tiền thuê đất	(*)	8.000.000.000
	VND	310-123/22/VAB/HĐTD	23/12/2022	11,8%/năm	47 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu	Thanh toán tiền thuê đất	(*)	5.000.000.000
	VND	310-124/22/VAB/HĐTD	23/12/2022	11,8%/năm	53 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu	Thanh toán tiền thuê đất	(*)	3.000.000.000
	VND	310-125/22/VAB/HĐTD	23/12/2022	11,8%/năm	64 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu	Thanh toán tiền thuê đất	(*)	3.500.000.000
	VND	310-126/22/VAB/HĐTD	23/12/2022	11,8%/năm	86 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu	Thanh toán tiền thuê đất	(*)	5.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (Tiếp theo):

Ngân hàng	Loại tiền	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2022
								VND
(2) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Tây Sài Gòn	VND	CTSG.DN.01211222	23/12/2022	8,8%/năm	Đến hết ngày 29/01/2023	Thanh toán tiền thuê đất	(*)	21.000.000.000
	VND	CTSG.DN.02211222	23/12/2022	8,8%/năm	Đến hết ngày 15/04/2023	Thanh toán tiền thuê đất	(*)	27.000.000.000
								79.500.000.000

(*) Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**1.186.840.000.000**	**69.686.924.280**	**(181.306.630.680)**	**1.075.220.293.600**
Lỗ trong năm trước	-	-	(90.638.651.088)	(90.638.651.088)
Số dư cuối năm trước	**1.186.840.000.000**	**69.686.924.280**	**(271.945.281.768)**	**984.581.642.512**
Số dư đầu năm nay	**1.186.840.000.000**	**69.686.924.280**	**(271.945.281.768)**	**984.581.642.512**
Lỗ trong năm nay	-	-	(41.594.751.153)	(41.594.751.153)
Số dư cuối năm nay	**1.186.840.000.000**	**69.686.924.280**	**(313.540.032.921)**	**942.986.891.359**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	49,00	581.551.600.000	49,00	581.551.600.000
Công ty Cổ phần Sam Holdings	34,96	414.894.250.000	34,96	414.894.250.000
Các cổ đông khác	16,04	190.394.150.000	16,04	190.394.150.000
	100	**1.186.840.000.000**	**100**	**1.186.840.000.000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu năm*	*1.186.840.000.000*	*1.186.840.000.000*
- *Vốn góp cuối năm*	*1.186.840.000.000*	*1.186.840.000.000*
Cổ tức, lợi nhuận		
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm*	*196.416.110*	*223.301.110*
- *Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền*	*(5.823.500)*	*(26.885.000)*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(5.823.500)	(26.885.000)
- *Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm*	***190.592.610***	***196.416.110***

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	118.684.000	118.684.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- *Cổ phiếu phổ thông*	*118.684.000*	*118.684.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- *Cổ phiếu phổ thông*	*118.684.000*	*118.684.000*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phiếu

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất, nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm địa điểm kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Chi tiết như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích	Thời hạn thuê
1	Số 79 - 83 Đường Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	1.830 m2	Ngắn hạn hàng năm đến khi có quy hoạch
2	915 Đường 3 Tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	399,7 m2	Ngắn hạn hàng năm đến khi có quy hoạch
3	Xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh	57.500 m2	Gia hạn hàng năm
4	Số 03 Đường Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	318.636 m2	Đến 01/01/2046
5	15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	578,8 m2	Gia hạn hàng năm
6	Số 293 và số 295/1 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	1.180,5 m2	Gia hạn hàng năm

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	744.665.527	256.924.340
Doanh thu cung cấp dịch vụ	220.886.231.847	55.631.648.848
	221.630.897.374	**55.888.573.188**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	**1.712.308.164**	**737.418.820**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36 và Thuyết minh số 4)

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	380.190.678	116.126.566
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	261.929.733.716	168.724.795.477
	262.309.924.394	**168.840.922.043**
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan	**865.520.482**	**48.401.000**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36 và Thuyết minh số 4)

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	31.972.396.961	34.662.636.732
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.078.651.000	16.209.736.000
	38.051.047.961	**50.872.372.732**
Trong đó: Nhận từ các bên liên quan	**6.078.651.000**	**16.209.736.000**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 4)

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	169.446.576	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	192.139.123	378.479.155
	361.585.699	**378.479.155**

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.930.036.362	1.184.915.891
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.078.410.786	1.358.358.826
Chi phí khác bằng tiền	225.831.475	162.915.157
	6.234.278.623	**2.706.189.874**

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	121.324.290	110.434.947
Chi phí nhân công	8.669.412.000	6.100.306.406
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.802.366	218.272.833
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(27.516.000)	1.392.564.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	534.526.229	458.140.974
Chi phí khác bằng tiền	5.071.324.445	5.082.872.850
Lợi thế kinh doanh	18.250.204.344	19.771.054.700
Hoàn nhập chi phí phải trả về Tổng Công ty	-	(7.605.252.849)
	32.702.077.674	**25.528.393.861**
Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan	-	(7.605.252.849)
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)		

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	236.210.224	-
Thu nhập khác	96.746.489	55.035.927
	332.956.713	**55.035.927**

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(41.594.751.153)	(90.638.651.088)
Các khoản điều chỉnh tăng	1.412.238.979	732.433.010
- *Chi phí không được trừ*	*1.412.238.979*	*732.433.010*
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.078.651.000)	(16.209.736.000)
- *Cổ tức, lợi nhuận được chia*	*(6.078.651.000)*	*(16.209.736.000)*
Thu nhập chịu thuế TNDN	(46.261.163.174)	(106.115.954.078)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(22.378.333.395)	(22.378.333.395)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**(22.378.333.395)**	**(22.378.333.395)**

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(41.594.751.153)	(90.638.651.088)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(41.594.751.153)	(90.638.651.088)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	118.684.000	118.684.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(350)**	**(764)**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	28.711.932.331	9.842.565.052
Chi phí nhân công	58.723.186.578	37.084.258.532
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.324.461.786	39.197.243.741
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.734.825.861	14.518.172.004
Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	93.922.840.652	57.763.450.155
Chi phí khác bằng tiền	26.198.892.516	18.782.635.028
Lợi thế kinh doanh	18.250.204.344	19.771.054.700
	300.866.344.068	**196.959.379.212**

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.901.970.573	-	-	4.901.970.573
Phải thu khách hàng, phải thu khác	103.029.866.458	13.111.452.999	-	116.141.319.457
Các khoản cho vay	516.200.000.000	-	-	516.200.000.000
	624.131.837.031	**13.111.452.999**	-	**637.243.290.030**
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.108.022.470	-	-	2.108.022.470
Phải thu khách hàng, phải thu khác	106.996.246.306	13.111.452.999	-	120.107.699.305
Các khoản cho vay	400.050.000.000	28.000.000.000	-	428.050.000.000
	509.154.268.776	**41.111.452.999**	-	**550.265.721.775**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	79.500.000.000	-	-	79.500.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	42.887.105.961	2.974.000.000	-	45.861.105.961
Chi phí phải trả	5.211.264.798	-	-	5.211.264.798
	127.598.370.759	**2.974.000.000**	-	**130.572.370.759**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	35.190.897.711	2.504.000.000	-	37.694.897.711
Chi phí phải trả	4.769.090.948	-	-	4.769.090.948
	39.959.988.659	**2.504.000.000**	**-**	**42.463.988.659**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	79.500.000.000	-

34 . THÔNG TIN KHÁC

a) Truy thu tiền thuê đất

Ngày 18/06/2020, Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII phát hành Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ) ("Báo cáo Kiểm toán Quyết toán Giá trị phần vốn Nhà nước"), với thời kỳ kiểm toán từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/06/2014 đến thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần ngày 16/05/2016. Theo đó, khoản tiền thuê đất truy thu, Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII kiến nghị Công ty nộp ngân sách Nhà nước tiền thuê đất được xác định tăng thêm là 209.413.504.962 VND và được chia làm các giai đoạn trước và sau cổ phần hóa cho các khu đất Công ty thuê tại Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó Chi Cục Thuế Quận 11 trong năm 2020, 2021 và 2022 cũng đã ban hành các thông báo về việc truy thu tiền thuê đất và tiền lãi chậm nộp, cưỡng chế thuế có liên quan đến các giai đoạn cùng với giai đoạn Kiểm toán Nhà nước truy thu.

Công ty đã thực hiện hạch toán và nộp vào ngân sách nhà nước đầy đủ nghĩa vụ theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Tuy nhiên, Cục thuế Quận 11 vẫn giữ quan điểm truy thu theo số liệu Chi Cục thuế Quận 11 đã thông báo. Do đó, tại ngày 31/12/2022, về nghĩa vụ thuế có liên quan đến Chi cục thuế Quận 11 và nghĩa vụ với kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đang chênh lệch như sau:

Giai đoạn	Thông báo Chi cục thuế Quận 11	Kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Số Công ty đã nộp vào Ngân sách	Chênh lệch giữa CC Thuế Q11 và số đã nộp	Chênh lệch số KTNN và số đã nộp
	VND	VND	VND	VND	VND
Từ 01/01/1996 - 30/06/2014 (trước khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa)	162.470.761.414	-	-	162.470.761.414	-
Từ 01/07/2014 - 16/05/2016 (Giai đoạn từ xác định GTDN cổ phần hóa đến chính thức chuyển sang CPH)	40.117.912.032	105.254.993.118	105.254.993.118	(65.137.081.086)	-
Từ 17/05/2016 - 31/12/2019 (Thời điểm từ khi cổ phần hóa đến 31/12/2019)	90.399.050.337	104.158.511.843	105.699.027.416	(15.299.977.079)	(1.540.515.573)
- Địa chỉ 79-83 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11	*1.286.757.180*	-	*1.286.757.180*	-	*(1.286.757.180)*
- Địa chỉ 915 (527) Đường 3/2, Phường 7, Quận 11	*798.725.360*	*544.966.968*	*798.725.360*	-	*(253.758.392)*
- Địa chỉ CV Nước Đầm Sen, Phường 3, Quận 11	*2.187.394.032*	*17.487.371.110*	*17.487.371.111*	*(15.299.977.079)*	*(1)*
- Địa chỉ Số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11	*86.126.173.765*	*86.126.173.765*	*86.126.173.765*	-	-
	292.987.723.783	**209.413.504.961**	**210.954.020.534**	**82.033.703.249**	**(1.540.515.573)**

Theo Công văn số 6208/CTTPHCM – KTTĐ của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/06/2021, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho khoanh nợ khoản truy thu tiền thuê đất trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp chờ quyết toán cổ phần hóa Công ty, không tính tiền phạt chậm nộp Công ty và giao Chi cục Thuế Quận 11 làm việc với Công ty về đối chiếu số liệu tiền thuê đất do Chi cục Thuế Quận 11 đã ban hành thông báo và số truy thu tiền thuê đất của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII. Số tiền phạt Công ty chậm nộp tiền thuê đất đã bị cưỡng chế là 8.142.251.112 VND được cấn trừ vào tiền thuê đất phải nộp năm 2021 của Công ty.

Công ty đã gửi Công văn số 150/CV-2021 ngày 29/11/2021 và Công văn Số 017/CV-2022 ngày 22/02/2022 cho Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thuế Quận 11 để phản ánh việc Chi cục Thuế Quận 11 ban hành các Thông báo nộp tiền số 1729/TB-CCTQ11 ngày 03/11/2021, Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 14195/TB-07-CCT ngày 26/01/2021 là không thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thông báo cho Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc khoanh nợ tiền thuê đất truy thu tại Thông báo số 342/TB-VP ngày 04/05/2021 và Văn bản số 9212/VP-KT ngày 01/12/2021 (nội dung này được Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh thông báo lại Chi cục Thuế Quận 11 ở Công văn số 6208/CTTPHCM – KTTĐ ngày 23/06/2021). Do đó, đến thời điểm hiện tại, Công ty không hạch toán tiền thuê đất truy thu và tiền phạt chậm nộp.

Theo Công văn số 2042/CTTPHCM-KTTD ngày 16/03/2022 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh gửi UBND TP.HCM về việc thực hiện thông báo số 342/TB-VP ngày 04/05/2021 của UBND Thành phố, theo đó Cục thuế TPHCM đã thông báo các nội dung đã thực hiện:

- Cơ quan thuế tạm thời chưa thu số truy thu tiền thuê đất của giai đoạn từ 01/01/1996 - 30/06/2014 số tiền 162.470.761.414 VND và cho tạm khoanh không tính tiền chậm nộp đối với số tiền này chờ quyết toán giai đoạn chuyển thể của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ theo chỉ đạo tại Thông báo số 342/TB-VP ngày 04/05/2021 của Văn phòng UBND Thành Phố.
- Đối với số tiền truy thu giai đoạn từ 01/01/1996 - 30/06/2014 nêu trên, Cục thuế TPHCM báo cáo đến UBND có chỉ đạo đến Sở Tài Chính (Tổ trưởng tổ công tác liên ngành theo Quyết định số 3336/QĐ-STC ngày 28/04/2017) ghi nhận số nợ này để xử lý theo quy định khi xác định lại giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ theo chỉ đạo tại Công văn 4545/UBND-KT ngày 30/11/2020 của UBND Thành Phố.

Theo Thông báo số 173/TB-07-CCT ngày 13/02/2023 về tiền nợ thuế chưa Nộp ngân sách Nhà nước tính đến 31/12/2022, Chi Cục thuế Quận 11 thông báo số tiền Công ty nợ ngân sách tại ngày 31/12/2022 là 82.033.703.247 VND và lãi chậm nộp tương ứng là 8.359.661.243 VND. Công ty hiện chưa chấp nhận nghĩa vụ theo thông báo này của Chi cục thuế Quận 11, lý do Công ty đã thực hiện nộp đầy đủ vào ngân sách theo Kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII tuy nhiên Chi Cục thuế Quận 11 đang cấn trừ số tiền Công ty đã nộp vào ngân sách chưa đúng với các thông báo theo các giai đoạn. Công ty hiện vẫn đang có các văn bản để tiếp tục làm việc với Chi Cục thuế Quận 11, Cục thuế TP.HCM về các nội dung công bố của Chi cục thuế Quận 11 để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông cũng như uy tín của Công ty.

b) Tranh chấp thương mại

Ngày 12/10/1996, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ ký Hợp đồng Hợp tác Liên doanh số 22/HĐ-96 với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt ("Công ty Chí Đạt") để thành lập Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen. Trong quá trình thực hiện, Công ty Chí Đạt có ký hai Hợp đồng thuê tài chính số K97006 và K98002 ngày 16/02/1998 với Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam, tên cũ là Công ty Cho thuê Tài chính Kexim Việt Nam ("Công ty Kexim"). Trong năm 1999, Công ty Chí Đạt và Công ty Kexim xảy ra tranh chấp liên quan đến hai hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên. Công ty Chí Đạt và Công ty Kexim đã đưa vấn đề tranh chấp này ra tòa án và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chịu trách nhiệm liên đới trong việc tranh chấp hai hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên.

Theo Bản án số 27/2020/KDTM-PT ngày 25/06/2020, Tòa án Nhân dân Cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra các phán quyết sau:

- Công ty Kexim phải chịu trách nhiệm 50% tổng giá trị thiệt hại (số tiền là 2.022.082,725 USD); Công ty Chí Đạt và Công ty.Phú Thọ cùng liên đới chịu trách nhiệm đối với 50% tổng giá trị thiệt hại còn lại. Tỷ lệ chịu trách nhiệm của Công ty Chí Đạt và Công ty sẽ căn cứ vào tỷ lệ thỏa thuận góp vốn ban đầu trong Hợp đồng Liên doanh số 22/HĐ-96 ngày 12/10/1996 (Công ty Chí Đạt: 70%, tương ứng với 707.728,952 USD và Công ty: 30%, tương ứng với 303.312,408 USD);
- Số tiền 127.772.000 VND đã thanh toán được chia theo tỷ lệ 70/30 để trừ vào số tiền phải trả của Công ty Chí Đạt và Công ty;
- Công ty được tự xử lý dây chuyền thiết bị hệ thống Bowling và các thiết bị kèm theo, theo danh mục tài sản kê biên kèm theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 308/BPTT-KT ngày 30/12/1999 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải phóng mặt bằng.

Trong năm 2020, Công ty đã chuyển trả tiền bồi thường cho Công ty Kexim số tiền 7.029.265.055 VND (tương ứng 303.312,408 USD) theo Quyết định số 3440/QĐ-CTHADS ngày 14/09/2020.

Theo Báo cáo kiểm toán Nhà nước về Quyết toán Giá trị phần vốn Nhà nước, các khoản phải thu, phải trả liên quan đến vấn đề này có thể ảnh hưởng đến số liệu quyết toán vốn nhà nước trong thời kỳ chuyển thể. Do đó, đến thời điểm 31/12/2022, Công ty vẫn đang hạch toán và theo dõi các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán, gồm:

- Phải thu về hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt (Thuyết minh số 7b):	18.393.452.999
- Chi phí khấu hao Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen (Thuyết minh số 12b):	6.995.003.594
- Phải trả về hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt (Thuyết minh số 18a):	29.118.387.913

c) Quyết toán cổ phần hóa

Ngày 30/11/2015, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ 1.186.840.000.000 VND tương ứng 118.684.000 cổ phần theo Quyết định số 6321/QĐ-UBND. Từ ngày 17/05/2016, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301074118 thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Đến thời điểm hiện tại, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ.

d) Hoạt động kinh doanh Khách sạn Ngọc Lan

Công ty thuê lại mặt bằng nhà, đất tại Số 293 và Số 295/1 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh từ Văn phòng Thành ủy và đã thực hiện cải tạo nâng cấp thành Khách sạn Ngọc Lan.

Năm 2019, Công ty và Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương ("Công ty Hùng Đại Dương") cùng ký Hợp đồng quản lý - khai thác kinh doanh Khách sạn Ngọc Lan số 16/2019/HĐQLKT ngày 17/06/2019. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, trong năm 2021 Công ty và Công ty Hùng Đại Dương đã ký Phụ lục hợp đồng để thay đổi đơn giá thuê tài sản và mức phân chia hợp đồng hợp tác.

Số tiền lũy kế đến 31/12/2021 và 31/12/2022 mà Công ty phải thu Công ty Hùng Đại Dương là 9.619.339.517 VND. Khoản phải thu này hiện chưa được Công ty Hùng Đại Dương xác nhận.

Do thời gian thuê mặt bằng từ Văn phòng Thành ủy đã hết hạn, mặt khác giữa Công ty và Văn phòng Thành Uỷ đang trong quá trình thương thảo về đơn giá thuê và thời gian tính tiền thuê trên cơ sở các bên thống nhất sẽ thực hiện công tác thẩm định giá, do đó, Công ty chưa xem xét ghi nhận doanh thu từ hoạt động hợp tác năm 2022 với Công ty Hùng Đại Dương.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến Khách sạn Ngọc Lan này sẽ được Công ty ghi nhận khi xác định quyền và nghĩa vụ các bên sau khi Công ty có văn bản chính thức thống nhất về đơn giá thuê với Văn phòng Thành uỷ.

e) Giảm tiền thuê đất năm 2022

Vào ngày 03/02/2023, Công ty đã nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định cho Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục thuế Quận 11 về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Đến thời điểm lập và trình bày báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa nhận được Quyết định chính thức về số tiền được miễn giảm từ Cơ quan thuế do đó Công ty chưa có cơ sở để ghi nhận khoản tiền được giảm này vào báo cáo kết quả kinh doanh năm 2022.

f) Thuê mặt bằng nhà, đất từ Văn phòng Thành ủy

Công ty ký các hợp đồng và các phụ lục có liên quan về việc thuê mặt bằng nhà, đất với Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh gồm:

- Hợp đồng số 134-HĐ/VPTU ngày 27/06/2016 về thuê mặt bằng nhà, đất tại số 15 đường số 2 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (là địa chỉ đặt Văn phòng Công ty) với thời hạn thuê là 18 tháng kể từ ngày 01/07/2016 và Phụ lục số 277-HĐ/VPTU ngày 17/01/2018 điều chỉnh thời gian thuê đến 31/12/2019;
- Hợp đồng số 1040-HĐ/VPTU ngày 24/12/2014, Phụ lục 451-HĐ/VPTU ngày 19/03/2020 và Phụ lục 457-HĐ/VPTU ngày 10/08/2020 về thuê mặt bằng nhà, đất tại số 295/1 đường Lý Thường Kiệt, phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê đến 31/01/2020; Hợp đồng số 1062-HĐ/VPTU ngày 29/01/2015 với thời hạn thuê đến 31/12/2019 là 02 mặt bằng liên quan đến hoạt động kinh doanh khách sạn Ngọc Lan được trình bày tại Thuyết minh số 34d.

Từ sau khi thời hạn thuê và đơn giá thuê điều chỉnh qua các phụ lục nêu trên, giữa Công ty và Văn phòng Thành ủy chưa ký kết các Hợp đồng hay phụ lục hợp đồng nào khác có liên quan, Văn phòng Thành ủy đã có các văn bản về việc điều chỉnh giá thuê tuy nhiên Công ty vẫn chưa đồng ý về giá mà Văn phòng Thành ủy đưa ra, Công ty vẫn đang căn cứ giá thuê theo hợp đồng và các phụ lục để tính tiền thuê đất và thanh toán cho Văn phòng Thành ủy kể từ sau khi hết thời hạn.

Hiện Công ty và Văn phòng Thành ủy đang trong quá trình thương thảo về giá thuê trên cơ sở các bên thống nhất sẽ thực hiện công tác thẩm định giá, đồng thời 03 mặt bằng nhà đất này sẽ phải bàn giao về cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Tân Thuận là công ty được Văn phòng Thành ủy ủy quyền tiếp nhận, tổ chức đấu giá, khai thác tại các địa chỉ trên trước ngày 31/03/2023. Với mặt bằng nhà, đất tại số 15 đường số 2 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (là địa chỉ đặt Văn phòng Công ty) sau khi bàn giao sẽ thực hiện thủ tục đấu giá, khai thác. Trong trường hợp Công ty tiếp tục sử dụng Văn phòng tại địa chỉ này sẽ tham gia đấu giá thuê theo quy định.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sam Holdings	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist	Công ty con của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	Công ty con của Công ty Cổ phần Sam Holdings
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con của Công ty Cổ phần Sam Holdings
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con của Công ty Cổ phần Sam Holdings
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Công ty liên kết

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1.290.406.405**	**737.418.820**
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	514.229.700	70.276.500
Công ty Cổ phần Sam Holdings	221.099.746	129.499.500
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist	167.990.484	412.074.954
Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	320.733.216	58.355.716
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	45.581.924	67.212.150
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	20.771.335	-
Mua hàng hóa, vật tư	**40.606.482**	-
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	40.606.482	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	**(7.605.252.849)**
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	-	(7.605.252.849)

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Thông tin bổ nhiệm, miễn nhiệm	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Thu nhập, thù lao, chi phí hoạt động của người quản lý chủ chốt				
Ông Trần Việt Anh	Chủ tịch HĐQT		115.200.000	57.600.000
Ông Nguyễn Đông Hòa	Thành viên HĐQT		115.200.000	57.600.000
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên HĐQT		115.200.000	57.600.000
Ông Phương Xuân Thụy	Thành viên HĐQT		115.200.000	57.600.000
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/09/2021	115.200.000	14.400.000
Ông Nguyễn Quốc Anh	Tổng Giám đốc		805.135.000	459.783.000
	Thành viên HĐQT		115.200.000	57.600.000
Ông Hoàng Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc		596.183.000	308.092.000
	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 06/05/2022	76.800.000	-
Ông Lê Song Trọng Chinh	Phó Tổng Giám đốc		515.060.000	285.112.000
Ông Trần Quốc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/05/2021, Miễn nhiệm ngày 06/05/2022	62.473.000	161.062.000
	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/09/2021, Miễn nhiệm ngày 06/05/2022	16.800.000	14.400.000
Ông Dư Hữu Danh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/03/2021	-	85.343.000
Ông Huỳnh Ngọc Cách	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 10/05/2022	287.989.000	-
	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 16/12/2021	114.580.000	18.070.000
Bà Nguyễn Thị Nguyên	Trưởng ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 04/01/2022	480.000.000	1.600.000
	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 16/12/2021	-	261.988.000
Bà Hồ Thị Ngọc Như	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 30/09/2021	100.114.000	-
	Trưởng ban Kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 30/09/2021	-	384.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	Thành viên BKS		96.000.000	38.400.000
Bà Vũ Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 30/09/2021	-	33.600.000
			3.842.334.000	**2.353.850.000**

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được Công ty TNHH PwC (Việt Nam) kiểm toán.

Trần Thị Thu Hương	**Huỳnh Ngọc Cách**	**Nguyễn Quốc Anh**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023